

Số: **66**/BĐKH.PCTT-VP
V/v rà soát, cập nhật phương án
ứng phó thiên tai

Đồng Tháp, ngày **06** tháng **8** năm 2021

Kính gửi: Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo Trung
ương về Phòng, chống thiên tai.

Thực hiện Công văn số 313/TWPCTT ngày 30/6/2021 của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai về việc rà soát, cập nhật phương án ứng phó thiên tai. Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo Ứng phó với Biến đổi khí hậu – Phòng, chống thiên tai & TKCN tỉnh Đồng Tháp có báo cáo kết quả rà soát, cập nhật phương án ứng phó thiên tai trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp như sau:

1. Kết quả xây dựng phương án ứng phó thiên tai

- Về Phương án ứng phó đối với thiên tai mưa lớn, dông, lốc, sét, bão, áp thấp nhiệt đới: Ngày 23/02/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 222/QĐ-UBND-HC về việc ban hành Phương án Ứng phó với áp thấp nhiệt đới, bão trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Ngoài ra, năm 2021 Ban Chỉ đạo Ứng phó với Biến đổi khí hậu – Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đồng Tháp làm 01 phóng sự hướng dẫn phòng chống dông lốc, sét đánh; chằng chông nhà cửa đảm bảo an toàn trước thiên tai. Các Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đồng Tháp, Báo Đồng Tháp và các địa phương thường xuyên tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn kỹ năng phòng, tránh mưa dông, lốc, sét trên các phương tiện thông tin đại chúng, trạm truyền thanh xã, phường, thị trấn (*Tài liệu truyền thông hướng dẫn phòng, chống sét đánh và Tài liệu truyền thông hướng dẫn phòng chống dông, lốc, tố và vòi rồng được Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai tỉnh Đồng Tháp ban hành năm 2013*).

- Về thiên tai sạt lở bờ sông: Ngày 28/9/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã ban hành Quyết định 1493/QĐ-UBND về việc nghiệm thu và đưa vào sử dụng kết quả Dự án đo đạc, giám sát đánh giá ổn định bờ sông Tiền và thiết lập hành lang sạt lở tại khu vực đông dân cư và cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Về Phương án ứng phó với lũ: Ngày 24/10/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Phương án số 443/PA-UBND về việc Chủ động phòng, chống, ứng phó với lũ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Thực hiện kế hoạch duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp đê cấp III - Đê bao chống lũ bảo vệ thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng; Xây dựng phương án hộ đê năm 2021 Đê bao bảo vệ thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Báo cáo số 734/BC-SNN.TL ngày 29/3/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đồng Tháp).

- Ban hành công văn về việc tăng cường công tác bảo đảm an toàn công trình thủy lợi trong mùa mưa, lũ năm 2021 (Công văn số 985/SNN-TL ngày 28/4/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đồng Tháp); Các huyện, thành phố đã xây dựng chương trình bảo đảm an toàn công trình thủy lợi trong mùa mưa, lũ năm 2021.

- Ngày 29/4/2021, Ban Chỉ đạo Ứng phó với Biến đổi khí hậu – Phòng, chống thiên tai & TKCN Tỉnh ban hành công văn số 39/BĐKH.PCTT về việc chủ động ứng phó với mưa lớn, dông, lốc, sét, bão, ATNĐ, sạt lở bờ sông và thời tiết nguy hiểm năm 2021.

2. Rà soát, cập nhật phương án ứng phó với thiên tai trong bối cảnh dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp

Ngày 08/6/2021 Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Công văn số 196/UBND – ĐTXD về việc triển khai sẵn sàng ứng phó với lũ lớn, đảm bảo an toàn hệ thống công trình đê điều, kè chống sạt lở (trong đó lưu ý rà soát có phương án phù hợp với diễn biến, yêu cầu công tác phòng, chống dịch bệnh Covid).

Ngày 04/8/2021, Ban Chỉ đạo Ứng phó với Biến đổi khí hậu – Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Tỉnh đã ban hành Phương án số 62/PA-BCĐ về việc Hướng dẫn phòng chống dông lốc, sấm sét và sạt lở bờ sông xảy ra trong tình hình dịch bệnh Covid trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Nội dung công tác ứng phó với thiên tai trong điều kiện dịch bệnh Covid trên địa bàn tỉnh diễn biến phức tạp được triển khai thực hiện với những nội dung chủ yếu sau:

- Phát huy tối đa 4 tại chỗ trong công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai (*chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ*), đồng thời thực hiện nghiêm quy tắc 5K trong phòng chống dịch bệnh covid 19.

- Rà soát, cập nhật phương án ứng phó với thiên tai phù hợp với bối cảnh dịch bệnh Covid 19 có diễn biến phức tạp, đặc biệt là đảm bảo an toàn cho người dân tại các khu vực cách ly do dịch bệnh và cập nhật phương án sơ tán dân theo hướng tăng cường sơ tán tại chỗ, hạn chế sơ tán tập trung.

- Chuẩn bị trang thiết bị, máy móc cần thiết để đo thân nhiệt, phân loại các đối tượng để xây dựng phương án sơ tán; sẵn sàng phương án huy động lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm chuẩn thiết yếu, hóa chất chất khử trùng, khẩu trang y tế cho các địa điểm sơ tán dân.

- Lập danh sách các lực lượng phải huy động để ứng phó thiên tai trường hợp dịch bệnh diễn biến phức tạp, đặc biệt là lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai ở cơ sở.

3. Khó khăn, tồn tại

- Đỉnh lũ những năm gần đây ở mức thấp hơn trung bình nhiều năm, nên đã xuất hiện tư tưởng chủ quan ở một số địa phương; việc xây dựng phương án ứng phó với lũ không được cập nhật thường xuyên ở các địa phương gây khó khăn khi triển khai công tác ứng phó với lũ.

- Còn một bộ phận người dân còn thờ ơ, bàng quang, trông chờ ý lại vào Nhà nước và chưa tích cực cùng cộng đồng ứng phó với lũ, bão, sạt lở bờ sông.

- Công tác chuẩn bị sẵn sàng các loại vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu, kinh phí trước khi lũ, bão về còn nhiều bất cập; còn nhiều nhà ở của người dân và các công trình cơ sở hạ tầng về giao thông nông thôn, thủy lợi chưa đảm bảo an toàn khi có lũ lớn và bão, áp thấp nhiệt đới xảy ra. Một số công trình phục vụ phòng ngừa giảm nhẹ thiên tai thì công còn chậm, nguyên nhân chủ yếu là do việc giải phóng mặt bằng khó khăn, thiếu vốn.

- Lực lượng thực hiện công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp mỏng, thiếu lực lượng có trình độ chuyên môn sâu (ở cấp huyện và cấp xã chỉ có 01 cán bộ làm về công tác phòng, chống thiên tai theo hình thức kiêm nhiệm, lực lượng này hàng năm thay đổi liên tục đặc biệt là cấp xã), lực lượng xung kích trên địa bàn tỉnh mới thành lập vào năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 chưa được đào tạo, tập huấn, diễn tập... nên còn lúng túng trong triển khai phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Cơ sở vật chất cơ quan tham mưu chỉ đạo, điều hành còn hạn hẹp, lạc hậu, thiếu công cụ hỗ trợ; thiếu các vật tư, trang thiết bị chuyên dùng, đặc thù để ứng phó thiên tai, thiết bị cảnh báo tự động tại cộng đồng.

- Thiên tai ngày càng phức tạp nhưng nguồn lực và trang thiết bị phục vụ cho công tác tập huấn, tuyên truyền, dự báo, cảnh báo thiên tai còn hạn chế. Cơ sở dữ liệu, công cụ quản lý, hệ thống giám sát, nhất là giám sát trực tuyến còn chưa đầy đủ, đồng bộ.

4. Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai hỗ trợ tỉnh Đồng Tháp các nội dung, cụ thể như sau:

- Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai tại Văn phòng thường trực các cấp trên địa bàn Tỉnh (**Đặc biệt là các lớp tập huấn về phòng chống, giảm nhẹ thiên tai trong bối cảnh rủi ro kép**).

- Xây dựng các phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai cụ thể đối với từng loại hình thiên tai trên địa bàn Tỉnh để chủ động ứng phó;

- Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét hỗ trợ kinh phí để tỉnh Đồng Tháp xây dựng 06 cụm tuyến dân cư di dời dân khẩn cấp vùng sạt lở trên địa

bàn 06 huyện, thị xã và thành phố để bố trí ổn định cho 1.190 hộ dân nằm trong vùng sạt lở nghiêm trọng, kinh phí khoảng 347,6 tỷ đồng (theo công văn số 49/UBND-ĐTĐD ngày 21/02/2020).

Trên đây là báo cáo kết quả rà soát, cập nhật phương án ứng phó thiên tai trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Kính gửi Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai xem xét, tổng hợp, báo cáo. *Char*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chi cục PCTT MN;
- Trưởng và các Phó Trưởng ban BCD;
- Lưu VPTT, P.PCTT.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Huỳnh Minh Đường

Phụ lục 1:
SỐ LIỆU PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN THEO CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN
TAI DO BÃO TỈNH ĐỒNG THÁP
(Kèm theo Công văn số 6.6./BĐKH.PCTT-VP ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo Ứng phó với Biến đổi khí hậu – Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Tháp)

Thứ tự	Huyện, thành phố	RRTT cấp độ 3		RRTT cấp độ 4		RRTT cấp độ 5	
		Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung
1	Hồng Ngự	2472	1942	11263	7508	11263	7508
2	TP. Hồng Ngự	1652	708	4690	3126	4690	3126
3	Tân Hồng	5394	2312	9528	6352	9528	6352
4	Tam Nông	1219	522	5520	3680	5520	3680
5	Thanh Bình	1073	460	3062	2041	3062	2041
6	Cao Lãnh	4385	1879	8201	5467	8201	5467
7	TP Cao Lãnh	3226	1382	10239	6826	10239	6826
8	Tháp Mười	5352	2294	7324	4883	7324	4883
9	Lấp Vò	1460	626	5123	3415	5123	3415
10	Lai Vung	2377	1019	7489	4993	7489	4993
11	Châu Thành	1001	429	7269	4846	7269	4846
12	TP Sa Đéc	2951	1265	8603	5735	8603	5735
Tổng cộng		32.561	14.838	88.310	58.873	88.310	58.873

Ghi chú:

- *Khi Áp thấp nhiệt đới, bão có RRTT cấp 3 có khả năng sẽ đổ bộ vào địa bàn tỉnh:* Di dời tất cả các hộ dân sống ở những căn nhà đơn sơ, thiếu kiên cố và những hộ dân chưa có nhà ở nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của Áp thấp nhiệt đới, bão tới nơi ở an toàn (Số hộ dân dự kiến phải di dời, sơ tán đến nơi trú tránh an toàn là **56.170** hộ).

- *Khi Áp thấp nhiệt đới, bão có RRTT cấp 4, cấp 5 có khả năng sẽ đổ bộ vào địa bàn tỉnh:* Thực hiện di dời tất cả các hộ dân sống ở những căn nhà đơn sơ, thiếu kiên cố, bán kiên cố, những hộ dân không có nhà ở nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của bão và tất cả những hộ dân nằm trong khu vực xung yếu tới nơi ở an toàn (Số hộ dân dự kiến phải di dời, sơ tán đến nơi trú tránh an toàn là **147.183** hộ).

Phụ lục 02:

SỐ LIỆU PHƯƠNG ÁN SƠ THEO CÁC CẤP BÁO ĐỘNG LŨ VÀ TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỊA ĐIỂM DI DỜI, SƠ TÁN DÂN TẬP TRUNG TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Công văn số 66./BĐKH.PCTT-VP ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo Ứng phó với Biến đổi khí hậu – Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Tháp)

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng số hộ dân cần di dời, sơ tán (hộ)	Tổng số dân cần di dời, sơ tán (người)	Số người cần di dời, sơ tán		Thông tin di dời, sơ tán			Ghi chú
				Di dời tại chỗ (người)	Số người sơ tán	Địa điểm	Quy mô (người)	Mô tả	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
A.	Kịch bản 1: lũ lớn rủi ro cấp độ 3 (mức nước tại trạm Tân Châu ở mức BĐIII đến BĐIII+0,5m)								
I.	Huyện Hồng Ngự	1,454	6,176	4,286	1,890		6,040		
1	Thường Phước 1	405	1540	1540		CDC, Trường học, Nhà VH	1540		
2	Thường Phước 2	710	3250	1700	1550	Trường học, trụ sở	1550		
3	Thường Thới Hậu A	48	192	192		CDC, Trường học, Nhà VH	500		
4	Thường Lạc	126	504	364	140	Các điểm trường	550		
5	Long Khánh A	90	350	350		TDC, Đình, Trường học, sân bóng	1500		
6	Long Khánh B	25	200	100	100	Trụ sở ấp Long Bình	300		
7	Thường Thới Tiền	50	140	40	100	Trường tiểu học Thường Thới Tiền 2	100		
II.	Huyện Cao Lãnh:	Huyện Cao Lãnh không cần di dân							
III.	Huyện Lai Vung	1,164	5,283	4,063	1,220	-	5,820		
1	Thị trấn Lai Vung	25	114	88	26	Thị trấn Lai Vung	125		
2	Xã Hòa Long	61	277	213	64	Xã Hòa Long	305		

3	Xã Long Hậu	42	191	147	44	Xã Long Hậu	210		
4	Xã Long Thắng	650	2,958	2,275	683	Xã Long Thắng	3,250		
5	Xã Hòa Thành	133	604	465	139	Xã Hòa Thành	665		
6	Xã Tân Dương	42	191	147	44	Xã Tân Dương	210		
7	Xã Tân Phước	50	227	175	52	Xã Tân Phước	250		
8	Xã Tân Thành	15	67	52	15	Xã Tân Thành	75		
9	Xã Vĩnh Thới	35	150	113	37	Xã Vĩnh Thới	175		
10	Xã Tân Hòa	20	91	70	21	Xã Tân Hòa	100		
11	Xã Định Hòa	22	100	77	23	Xã Định Hòa	110		
12	Xã Phong Hòa	69	313	241	72	Xã Phong Hòa	345		
IV.	Huyện Lấp Vò	không cần di dân							
V.	Huyện Thanh Bình	278	1,582	278	1,304	-	1,304		
1	Xã Tân Thạnh	30	100	30	70	Địa bàn xã	70	Cụm, tuyến dân cư	
2	Xã Tân Phú	76	491	76	415	Địa bàn xã	415	Tuyến Đốc Vàng Hạ bờ tây	
3	Xã Tân Mỹ	12	54	12	42	Địa bàn xã	42	Tuyến dân cư 855	
4	Xã Phú Lợi	26	148	26	122	Địa bàn xã	122	Cụm, tuyến dân cư	
5	Xã Bình Tấn	134	789	134	655	Địa bàn xã	655	Tuyến dân cư kênh giữa	
VI.	Thành Phố Sa Đéc	2,766	8,638	6,070	2,568	-	4,818		
1	Phường 1	100	470	350	120	2 điểm	470	Hội trường UBND P1, có 2 tầng, sức chứa 120 người và Trường tiểu học Kim Đồng, có 3 tầng, sức chứa 350 người	
2	Phường 2	100	400	120	280	01 điểm	500	Khu dân cư A, khóm Hòa Khánh, với diện tích 12800 m ² (160 nền)	
3	Phường 3	80	320	150	170	1 điểm	400	Trường tiểu học Tân Long, Hoa Mai	
4	Phường 4	1,000	1,000	500	500	3 điểm	1,000	01 trường học tiểu học, có diện tích 1000m ² , 10 phòng học và 02 điểm chùa diện tích 2000 m ² , kết cấu bê tông cốt thép	

5	Phường An Hòa	100	500	100	400	3 điểm	400	VP BND khóm Tân Hòa, nhà cấp 4, sức chứa 50 người; Chùa Linh Quang sức chứa 250 người; trường mầm non tư thục Hoa Mai, sức chứa 100 người
6	Phường Tân Quy Đông	1,000	4,000	4,000				
7	xã Tân Khánh Đông	236	1,148	450	698	01 điểm	698	Trường tiểu học Tân Khánh Đông 3, có kết cấu bê tông cốt thép
8	xã Tân Phú Đông	50	450	250	200	01 điểm	1,000	Khu dân cư Phú Thuận
9	xã Tân Quy Tây	100	350	150	200	01 điểm	350	Trường tiểu học Tân Quy Tây, kết cấu BTCT
VII.	Huyện Châu Thành:	không có phương án sơ tán dân						
B.	Kịch bản 2: lũ lớn rủi ro cấp độ 4 (mực nước tại trạm Tân Châu ở mức cao hơn BĐIII+0,5m đến trên mực nước lũ lịch sử)							
I.	Huyện Hồng Ngự	2,298	8,262	3,622	4,640		6,990	
1	Thường Phước 1	650	1,950	410	1,540	CDC, Trường học, Nhà VH	1,540	
2	Thường Phước 2	850	3,400	1,100	2,300	Trường học, trụ sở	2,300	
3	Thường Thới Hậu A	48	192	192		CDC, Trường học, Nhà VH	500	
4	Thường Lạc	230	920	670	250	Các điểm trường	550	
5	Long Khánh A	400	1,200	950	250	TDC, Đình, Trường học, sân bóng	1,500	
6	Long Khánh B	50	400	200	200	Trụ sở ấp Long Châu, Long Bình	500	
7	Thường Thới Tiền	70	200	100	100	Trường tiểu học Thường Thới Tiền 2	100	
II.	Huyện Cao Lãnh	1,313	5,255	3,260	1,995		0	2,295

1	Xã Bình Thạnh	452	1,721	1,021	700	UBND xã và trường THCS Bình Thạnh, trường Mầm Non Bình Thạnh 1, Đình, Chùa và nhà dân.	700	UBND xã, Trường học, nhà dân 2 tầng, kết cấu bê tông cốt thép	Khu vực bị ảnh hưởng: cồn Bình Hưng, cồn Dĩa, cồn Ké
2	Thị trấn Mỹ Thọ	217	964	578	386	UBND TT Mỹ Thọ và Trường THPT Cao Lãnh I, Trường Tiểu học TT Mỹ Thọ 1, Mỹ Thọ 2	386	UBND xã, Trường học 2 tầng, kết cấu bê tông cốt thép	Khu vực bị ảnh hưởng là ấp Mỹ Phú Củ Lao (Ô4)
3	Xã Phương Thịnh	229	945	736	209	UBND xã và Trường THCS Phương Thịnh	209	UBND xã, Trường học 2 tầng, kết cấu bê tông cốt thép	Khu vực bị ảnh hưởng ấp 6
4	Xã Gáo Giồng	40	125	25	100	UBND xã và trường THCS Gáo Giồng	300	UBND xã, Trường học 2 tầng, kết cấu bê tông cốt thép	Khu vực bị ảnh hưởng ấp 6
5	xã Ba Sao	375	1,500	900	600	UBND xã và trường Tiểu học Ba Sao, Trường Tiểu học -THCS Thiện Mỹ	700	UBND xã, Trường học và nhà dân 2 tầng, kết cấu bê tông cốt thép	Khu vực bị ảnh hưởng ấp 5, ấp 6
III.	Huyện Lai Vung	4,394	6,414	3,207	3,207		6,414		
1	Thị trấn Lai Vung	860	174	87	87	Thị trấn Lai Vung	174		
2	Xã Hòa Long	58	354	177	177	Xã Hòa Long	354		
3	Xã Long Hậu	240	260	130	130	Xã Long Hậu	260		
4	Xã Long Thắng	410	3,300	1,650	1,650	Xã Long Thắng	3,300		
5	Xã Hòa Thành	60	714	357	357	Xã Hòa Thành	714		
6	Xã Tân Dương	80	260	130	130	Xã Tân Dương	260		
7	Xã Tân Phước	1,323	300	150	150	Xã Tân Phước	300		
8	Xã Tân Thành	462	124	62	62	Xã Tân Thành	124		
9	Xã Vĩnh Thới	227	224	112	112	Xã Vĩnh Thới	224		

10	Xã Tân Hòa	239	150	75	75	Xã Tân Hòa	150		
11	Xã Định Hòa	50	160	80	80	Xã Định Hòa	160		
12	Xã Phong Hòa	385	394	197	197	Xã Phong Hòa	394		
IV.	Huyện Lập Vò	Không có							
V.	Huyện Thanh Bình	525	2,902	525	2,377		-	2,377	
1	Xã Tân Thạnh	49	187	49	138	Địa bàn xã	138	Cụm, tuyển dân cư	nhà người thân
2	Xã Tân Phú	150	960	150	810	Địa bàn xã	810	Tuyển Đốc Vàng Hạ bờ tây	
3	Xã Tân Mỹ	35	165	35	130	Địa bàn xã	130	Tuyển dân cư 855	
4	Xã Phú Lợi	51	301	51	250	Địa bàn xã	250	Cụm, tuyển dân cư	
5	Xã Bình Tấn	197	1,053	197	856	Địa bàn xã	856	Tuyển dân cư kênh giữa	
6	Xã Bình Thành	43	236	43	193	Địa bàn xã	193	Cụm, tuyển dân cư	
VI.	Thành Phố Sa Đéc	3,793	13,361	7,325	6,036			9,318	
1	Phường 1	290	1,320	1,025	295	05 điểm	1,320	Hội trường UBND P1 sức chứa 120 người và Trường tiểu học Kim Đồng sức chứa 350 người; trường tiểu học Hùng Vương, có 3 tầng, sức chứa 300 người; trường Chính trị Tỉnh, sức chứa 200 người, trường PTTH Sa Đéc sức chứa 350 người, kết cấu BTCT	
2	Phường 2	167	668	200	468	01 điểm	800	Khu dân cư B, khóm Hòa An, P2, với diện tích khoảng 11500 m2 (142 nền)	
3	Phường 3	150	800	450	350	2 điểm	800	Hội trường UBND Phường và Thánh thất Cao Đài (Khóm 1, khóm 3)	
4	Phường 4	1,000	1,000	500	500	3 điểm	1,000	01 trường học tiểu học, có diện tích 1000m2, 10 phòng học và 02 điểm chùa (01 chùa chệch và 01 chùa có 01 lầu), diện tích 2000 m2, kết cấu BTCT	

5	Phường An Hòa	500	2,500	500	2,000	7 điểm	2,000	VP BND khóm Tân Hòa, sức chứa 50 người; Chùa Linh Quang sức chứa 250 người; trường mầm non tư thục Hoa Mai, sức chứa 100 người; trường tiểu học Tân An điểm 2, sức chứa 50 người; trường MN Hướng Dương, sức chứa 300 người; trường TH Phạm Hữu Lầu, chứa 400 người và trường THCS Trần Thị Nhung sức chứa 700 người.
6	Phường Tân Quy Đông	1,200	4,500	4,000	500	1 điểm	500	Khu công nghiệp C
7	xã Tân Khánh Đông	236	1,148		1,148	02 điểm	1,148	Trường tiểu học Tân Khánh Đông 3 và UBND xã Tân Khánh Đông
8	xã Tân Phú Đông	100	900	500	400	01 điểm	1,000	Khu dân cư Phú Thành
9	xã Tân Quy Tây	150	525	150	375	02 điểm	750	Trường tiểu học Tân Quy Tây và trường mầm non Năng Hồng, kết cấu BTCT
VII.	Huyện Châu Thành:	chưa có phương án sơ tán dân						

Ghi chú:

- Trong bối cảnh dịch bệnh Covid 19 có diễn biến phức tạp khi di dời, sơ tán dân ở các địa điểm tập trung thực hiện nghiêm quy tắc 5K trong phòng chống dịch bệnh đảm bảo an toàn cho người dân.
- Trang bị phòng chống dịch covid (Khẩu trang, sát khuẩn) thực hiện theo hướng dẫn của ngành y tế.

Phụ lục 03.**TỔNG HỢP SỐ LIỆU SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CHÍNH TỈNH ĐỒNG THÁP**

(Kèm theo Công văn số 66./BĐKH.PCTT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo Ứng phó với Biến đổi khí hậu – Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Tháp)

Thứ tự	Hạng mục	Đơn vị	Hồng Ngự	TP Hồng Ngự	Tân Hồng	Tam Nông	Thanh Bình	Cao Lãnh	TP Cao Lãnh	Tháp Mười	Lấp Vò	Lai Vung	Châu Thành	TP Sa Đéc	Tổng cộng
1	Diện tích lúa Đông xuân	Ha	11.052	8.661	24.647	29.934	22.364	31.007	1.544	38.253	12.148	8.980	10.943	1.025	200.558
2	Diện tích lúa Hè thu	Ha	11.042	8.672	23.731	29.791	22.140	28.323	1.218	37.053	11.130	7.671	9.206	852	190.828
3	Diện tích lúa Thu đông	Ha	2.600	2.084	9.570	10.912	6.664	27.476	1.082	36.070	8.304	7.165	10.301	594	122.821
4	Diện tích hoa màu - cây CNNN	Ha	5603,8	315	1324,8	1579,1	5167,4	3616,2	336,7	957,71	5456,6	4362,8	5032,9	1958,3	35.711
5	Diện tích cây lâu năm	Ha	290,93	146,1	225,96	167,46	2784,1	5867,46	3.682,8	2798,2	3453,9	6840,1	7011,3	1211,7	34.480,1

Phụ lục 04

PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN VÙNG NGUY CƠ CAO VỀ SẠT LỞ ĐẤT TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Công văn số 66./BĐKH.PCTT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo Ứng phó với Biến đổi khí hậu – Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Tháp)

Số TT	Địa điểm	Chiều dài sạt lở (m)	Số hộ dân trong vành đai có nguy cơ sạt lở (hộ)	Trong đó:		Ghi chú
				Số hộ dân trong cự ly từ 0 - 30 m (hộ)	Số hộ dân trong cự ly từ 30 - 60 m (hộ)	
	Tổng số:	146,790	6,334	3,849	2,485	
I	Huyện Hồng Ngự	36,000	2,253	1,445	808	
1	Xã Thường Phước 1	4,000	842	547	295	
2	Xã Long Khánh A	4,400	52	29	23	
3	Xã Phú Thuận A	5,500	211	183	28	
4	Xã Phú Thuận B	11,800	517	244	273	
5	Xã Long Thuận	9,500	521	332	189	
6	xã Thường Lạc	800	110	110	0	
II	Thị xã Hồng Ngự	2,100	310	210	100	
1	Phường An Lạc	1,650	261	179	82	
2	Xã An Bình A	450	49	31	18	
III	Huyện Tam Nông	8,700	1,293	697	596	
1	Xã An Hòa	2,100	300	145	155	
2	Xã An Long	2,100	494	268	226	
3	Xã Phú Ninh	4,500	499	284	215	
IV	Huyện Thanh Bình	39,900	1,450	846	604	

1	Xã An Phong	13,700	613	427	186	
2	Xã Tân Thành	4,000	76	60	16	
3	Xã Bình Thành	2,100	137	24	113	
4	Xã Tân Quới	9,700	359	225	134	
5	Xã Tân Bình	6,800	189	99	90	
6	Xã Tân Long	3,600	76	11	65	
V	Thành phố Cao Lãnh	14,700	428	286	142	
1	Phường 11	900	25	16	9	
2	Xã Tân Thuận Tây	3,200	147	88	59	
3	Xã Hòa An	700	147	111	36	
4	Xã Tân Thuận Đông	5,500	29	2	27	
5	Phường 6	2,000	34	23	11	
6	Xã Tịnh Thới	2,400	46	46	0	
VI	Huyện Cao Lãnh	11,130	122	80	42	
1	Xã Phong Mỹ	200	21	9	12	
2	Thị trấn Mỹ Tho	330	35	27	8	
3	Xã Mỹ Xương	3,500	20	16	4	
4	Xã Bình Hàng Tây	1,500	6	6	0	
5	Xã Bình Hàng Trung	2,600	35	19	16	
6	Xã Bình Thạnh	3,000	5	3	2	
VII	Huyện Lấp Vò	15,500	175	74	101	
1	Xã Mỹ An Hưng A	3,900	20	8	12	
2	Xã Mỹ An Hưng B	1,300	17	7	10	

3	Xã Tân Mỹ	3,800	54	20	34	
4	xã Tân Khánh Trung	1,500	10	10	0	
5	Xã Định An	4,000	32	12	20	
6	Xã Định Yên	1,000	42	17	25	
VIII	Huyện Lai Vung	13,410	129	86	43	
1	Xã Định Hòa	500	20	15	5	
2	Xã Tân Hòa	5,000	17	10	7	
3	Xã Vĩnh Thới	4,000	42	29	13	
4	Xã Tân Thành	3,000	3	3	0	
5	Xã Tân Dương	910	47	29	18	
IX	Thành phố Sa Đéc	2,500	7	3	4	
1	Xã Tân Khánh Đông	2,500	7	3	4	
X	Huyện Châu Thành	2,850	167	122	45	
1	Xã An Hiệp	2,100	56	16	40	
2	Xã An Nhơn	250	8	3	5	
3	xã Tân Nhuận Đông	500	103	103	0	

Ghi chú: Tính đến hết quý II/2021 trên toàn tỉnh Đồng Tháp tổng chiều dài vành đai sạt lở là 146.790 m, Tổng số 6.334 hộ đang sinh sống trong vành đai có nguy cơ sạt lở, cần phải di dời đến nơi ở mới an toàn (Hộ dân đang sinh sống trong vành đai sạt lở, cự ly từ mé bờ sông trở vào 30 m: 3.849 hộ; Hộ dân đang sinh sống trong vành đai sạt lở, cự ly từ 30 m đến 60 m là: 2.485 hộ). Công tác di dời dân khu vực bị sạt lở còn chậm do thiếu kinh phí (6 tháng đầu năm 2021 tỉnh Đồng Tháp chưa thực hiện di dời dân vùng sạt lở).

Phụ lục 05:

VẬT TƯ, PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ỨNG PHÓ THIÊN TAI TẠI TỈNH ĐỒNG THÁP
 (Kèm theo Công văn số 66./BĐKH.PCTT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo Ứng phó với Biến đổi khí hậu – Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Tháp)

TT	Đối tượng	Đơn vị	Tổng cộng	Bộ CHQS Tỉnh	Hồng Ngự	TX Hồng Ngự	Tân Hồng	Tam Nông	Thanh Bình	TP Cao Lãnh	Cao Lãnh	Tháp Mười	Lấp Vò	Lai Vung	TP Sa Đéc	Châu Thành
I	Vật tư															
	- Đá hộc	m3	855		125						200				530	
	- Đá dăm, sỏi	m3	2,210		775						300				1,135	
	- Cát	m3	3,455		1,190						500				1,765	
	- Đất	m3	7,925		5,465						1,000				1,460	
	- Rọ thép	cái	1,392		222										1,170	
	- Bao tải	chiếc	42,430		31,400						1,000				10,030	
	- Vải bạt	m2	14,730		12,900										1,830	
	- Tôn lợp	m2	49,550		45,900						1,500				2,150	
	- Các vật tư khác		80		80										-	
II	Trang thiết bị															
	- Nhà bạt cứu sinh	Cái	64	29	6				1		13			5	10	
	- Phao áo cứu sinh	Cái	1,773	544	800				50		55			40	234	50
	- Phao tròn cứu sinh	Cái	1,457	750	410				20		85			30	127	35
	- Máy phát điện	Cái	237	143	62				7		2			13	9	1

	- Áo mưa chuyên dùng	Cái	1,392		1,030					100			60	202
	- Flycam	Cái	-		-									-
	- Loa cầm tay	Cái	88		40			2		13			15	18
	- Dây thùng	m	4,802		3,550					100				1,152
	- Máy Icom	Cái	45		25					20				-
	- Các trang thiết bị khác		11		6									5
III	Phương tiện													
	- Xe cứu hộ các loại	Chiếc	40		37									3
	- Xe chữa cháy	Chiếc	5					1		1				3
	- Tàu, thuyền cứu nạn	Chiếc	216	171				2		10				33
	- Ca nô	Chiếc	20	13				2		2				3
	- Số ô tô có thể huy động	Cái	153					30		28				95
	+ Xe 45 chỗ	Cái	5							2				3
	+ Xe 25-29 chỗ	Cái	22					2		3				17
	+ Xe 16 chỗ	Cái	39					10		3				26
	+ Xe 4-7 chỗ	Cái	79					18		20				41
	- Số ô tô tải có thể huy động	Cái	44					10		5				29
	- Số xe máy (úi, xúc) có thể huy động	Cái	15					5		6				4
	- Xe cứu thương	Cái	29					15		7				7

Phụ lục 06:

NGUỒN NHÂN LỰC HUY ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI NĂM 2021 TỈNH ĐỒNG THÁP
 (Kèm theo Công văn số 66./BĐKH.PCTT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo Ứng phó với Biến đổi khí hậu – Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: người

TT	Lực lượng	Tổng cộng	Bộ CHQS Tỉnh	Hội Chữ Thập Đỏ Tỉnh	Hồng Ngự	Tp Hồng Ngự	Tân Hồng	Tam Nông	Thanh Bình	TP Cao Lãnh	Cao Lãnh	Tháp Mười	Lấp Vò	Lai Vung	TP Sa Đéc	Châu Thành
1	Quân đội (tinh đội, huyện đội)	2,116	948		88				100	129	541			200	110	
2	Bộ đội biên phòng	55			55						0				0	
3	Công an	661			105				100	192	9			150	105	
4	Y tế	358			73				65	69	60			50	41	
5	Thanh niên tình nguyện	766			171					260	150			60	125	
6	Doanh nghiệp huy động	311			116				100	34	30				31	
7	Hội chữ thập đỏ	3,448		2,397	146				240	106	397			60	102	
8	Dân quân tự vệ	6,792	5,475		283					292	72			50	620	
9	Hội phụ nữ	1,523			140				100	132	40			60	1051	
10	Lực lượng xung kích	2,543			321				1102	118	150				852	
11	Hội Nông dân, đoàn thể khác	1,074			225				100	187	70			60	432	
12	Thành viên Ban chỉ huy, VPTT	780			137				290	131	26			30	166	
13	Cán bộ công nhân viên chức	1,916			237				1000	318	22			100	239	

14	Lực lượng quản lý đề chuyên trách	60			0		3			18	0				39	
15	Lực lượng quản lý đề nhân dân	272			50		4		80	48	90				0	
16	Lực lượng khác	1,725	1,320		150				101	64	60				30	

Phụ lục 07:
THÔNG TIN VỀ NHU YẾU PHẨM TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Công văn số 66./BĐKH.PCTT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo Ứng phó với Biến đổi khí hậu – Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Tháp)

TT	Phạm vi	Lương thực, thực phẩm					Nước uống đóng chai (chai)	Nhiên liệu				Hóa chất khử trùng			Thiết bị xử lý nước (chiếc)	Các nhu yếu phẩm khác
		Lương khô (gói)	Mì tôm (gói)	Gạo (kg)	Thực phẩm (kg)	Đồ hộp (kg)		Chất đốt (kg)	Dầu Diesel (lít)	Xăng (lít)	Dầu hỏa (lít)	Phèn chua (tấn)	CloraminB (viên)	Vôi bột (tấn)		
Cấp Tỉnh																
1.	Sở Công Thương	-	517.944	2.409.000	12.729.000		14.652.000		149.000	135.000	16.000	15.000	10.000	1.000		
Cấp Huyện																
1.	Huyện Hồng Ngự	38.100	52.300	57.010	35.375	15.750	130.510	5.190	6.300	7.360	1.470	4,07	30.800	66	1.334	-
2.	Huyện Cao Lãnh	8.000	15.000	5.000	1.000	2.500	9.000		700	1.000	500	0,50	10.000	10	5	
3.	Huyện Lai Vung		1.000	3.000			2.000		1.000	1.000	100					
4.	Huyện Lấp Vò	6.000	12.500	4.000	800	1.800	7.500		600	800	500	0,50	9.000	7	8	
5.	Huyện Thanh Bình	10.000	10.000	20.000	500	200	10.000		1.000	2.000	1.000	1	10.000	10		
6.	Thành Phố Sa Đéc	7.050	11.646	23.510	15.000	2.250	11.812	3.050	4.900	7.900	4.800	8,00	25.200	14	680	-
7.	Huyện Châu Thành	10.000	375.800	74.500	9.811	7.490	53.161	3.500	48.470	88.670	35.700	179	8.590	7	-	-
8.	Thành Phố Cao Lãnh	12.000	574.800	94.300	12.401	9.450	60.101	4.700	59.450	108.750	38.000	205	10.560	8	-	-
TỔNG CỘNG		79.150	620.390	2.521.520	12.781.675	22.500	14.822.822	8.240	163.500	155.060	24.370	15.014	95.000	1.107	2.027	-

Phụ lục 08:

NGUỒN NHÂN LỰC TẠI VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC BCH PCTT CÁC CẤP TỈNH ĐỒNG THÁP
 (Kèm theo Công văn số 66./BĐKH.PCTT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo Ứng phó với Biến đổi khí hậu – Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Tháp)

TT	Tỉnh	Dưới đại học	Trình độ Đại học	Trên Đại học		Tổng	Kinh nghiệm trên 10 năm	Kinh nghiệm 5-10 năm	Ghi chú
				ĐT trong nước	ĐT nước ngoài				
I. CẤP TỈNH		1	2	4	0		4	3	
1	Huỳnh Minh Đường			X			X		Chi cục Trưởng Chi cục Thủy lợi kiêm Chánh Văn phòng BCD
2	Phạm Việt Thắng			X			X		Chi cục Trưởng Chi cục Môi trường kiêm Phó Chánh Văn phòng BCD
3	Trần Quang Thái		X					X	Phó Chi cục Trưởng Chi cục Thủy lợi
4	Lê Hoàng Tú			X				X	Phó Trưởng phòng (P. Phòng chống thiên tai và QLDD)
5	Nguyễn Thị Thu			X			X		Chuyên viên (P. Phòng chống thiên tai và QLDD)
6	Lê Tấn Tài	X					X		Cán sự (P. Phòng chống thiên tai và QLDD)
7	Võ Thị Thùy Linh		X					X	Chuyên viên (P. Phòng chống thiên tai và QLDD)

II. CẤP HUYỆN									
1	Hồng Ngự	0	1	1	0		1	1	
	Nguyễn Hoàng Nhung				X		X		Trưởng phòng Trưởng phòng Phòng NN&PTNT / Phó Trưởng ban BCH Ứng phó BCĐKH-PCTT&TKCN
	Võ Văn Xuyên		X					X	Chuyên viên
2	TP. Hồng Ngự		2				1	1	
	Đương Phú Xuân		X				X		Trưởng phòng Phòng Kinh tế/ Phó Trưởng ban BCH Ứng phó BCĐKH-PCTT&TKCN
	Phan Minh Tuấn		X					X	Phó Trưởng phòng Phòng Kinh tế
3	Tân Hồng	0	3	0	0		2	1	
	Lê Hồng Thái		X				X		Trưởng phòng Phòng NN&PTNT/ Phó Trưởng ban BCH Ứng phó BCĐKH- PCTT&TKCN
	Võ Văn Bạc		X				X		P. Trưởng phòng Phòng NN&PTNT/ Ủy viên
	Lâm Văn Thủy		X					X	Chuyên viên
4	Tam Nông	0	2	0	0		1	1	
	Nguyễn Thanh Hồng		X				X		Trưởng phòng Phòng NN&PTNT / Ủy viên thường trực BCH Ứng phó BCĐKH- PCTT&TKCN
	Nguyễn Hữu Nhân		X					X	Chuyên viên
5	Huyện Thanh Bình	0	2	1	0		1	2	
	Trần Minh Sơn		X					X	Trưởng phòng Phòng NN&PTNT/ Phó trưởng ban BCH Ứng phó BCĐKH-

									PCTT&TKCN
	Lý Thanh Tâm			X				X	P. Trưởng phòng Phòng NN&PTNT/ UV Văn phòng thường trực BCH Ứng phó BCDKH-PCTT&TKCN
	Nguyễn Minh Trị		X					X	Chuyên viên
	Cao Lãnh	0	2	0	0			1	1
6	Huỳnh Thanh Sơn		X					X	Trưởng phòng Phòng NN&PTNT/ Phó Trưởng ban BCH Ứng phó BCDKH-PCTT&TKCN
	Lương Quốc Hùng		X					X	Chuyên viên
	TP Cao Lãnh		1	1				2	
7	Lê Thanh Huy			X				X	Trưởng phòng Phòng Kinh tế/ Phó Trưởng ban BCH Ứng phó BCDKH-PCTT&TKCN
	Võ Minh Tiên		X					X	Chuyên viên
	Tháp Mười						2	2	
8	Bùi Văn Sơn		X					X	Trưởng phòng/ Phó Trưởng ban BCH Ứng phó BCDKH-PCTT&TKCN
	Trần Công Định		X					X	chuyên viên
	Lấp Vò	0	3	0	0			1	1
9	Hồ Tấn Vũ		X					X	Trưởng phòng Phòng NN&PTNT/ Phó Trưởng ban BCH Ứng phó BCDKH-PCTT&TKCN
	Huỳnh Thanh Giang		X					X	Phó Trưởng phòng Trưởng phòng Phòng NN&PTNT / Ủy viên
	Lê Văn Thuận		X					X	Chuyên viên
10	Lai Vung	0	2	1	0			3	0

	Huỳnh Minh Trí			X			X		Trưởng phòng Phòng NN&PTNT/ Phó Trưởng ban BCH Ứng phó BCĐKH-PCTT&TKCN
	Huỳnh Văn Tôn		X				X		Phó Trưởng phòng Phòng NN&PTNT/ Ủy viên
	Võ Văn Te		X				X		Chuyên viên
	Châu Thành	0	2	0	0		1	1	
11	Võ Đình Trọng		X				X		Trưởng phòng Phòng NN&PTNT/ Phó Trưởng ban BCH Ứng phó BCĐKH-PCTT&TKCN
	Lê Tân Phong		X					X	Chuyên viên
	TP Sa Đéc	0	3						
12	Nguyễn Thị Ngọc		X				X		Trưởng phòng Phòng Kinh tế/ Phó Trưởng ban BCH Ứng phó BCĐKH-PCTT&TKCN
	Võ Minh Thông		X				X		Phó Trưởng phòng Phòng NN&PTNT/ Ủy viên
	Lâm Phú Hữu		X					X	Chuyên viên

Phụ lục 09
DANH MỤC CÁC SỰ CỐ ĐÃ XẢY RA TỪ 2016 ĐẾN 2020
TẠI TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Công văn số 66./BĐKH.PCTT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Văn phòng Thường trực Ban Chi đạo Ứng phó với Biến đổi khí hậu – Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Tháp)

STT	Huyện	Tên công trình	Thời gian xảy ra	Mô tả	Ghi chú
I.	Huyện Hồng Ngự	không có			
II.	Huyện Cao Lãnh				
1	Thị trấn Mỹ Thọ	Bờ Đông sông Cần Lố: đoạn nhà ông Võ Phước Hiệp	2020	Chiều dài 142 m, 568 m ² đất rơi xuống kênh, ảnh hưởng 24 hộ, huyện đã khắc phục tạm bằng cách gia cố cừ và bổ sung đất. Hiện đang đề nghị tỉnh ban bố tình trạng khẩn cấp và xin hỗ trợ kinh phí khắc phục	
2		Bờ Đông sông Cần Lố: đoạn nhà ông Chín Minh	2018-2020		
3		Bờ Đông sông Cần Lố: đoạn nhà ông Trương Ngọc Hòa	2020		
4		Tuyến Doi Me: đoạn từ chợ Doi Me - Cổng Tư Lễ	2018-2020		Chiều dài 258 m, 1.290 m ² đất rơi xuống kênh, ảnh hưởng 52 hộ, huyện đã khắc phục tạm bằng cách gia cố cừ, đắp đất.
5	Xã Nhị Mỹ	Bờ Tây sông Cần Lố (đoạn chùa Phước Hội)	2017-2020	Chiều dài 617 m, 2.625 m ² đất rơi xuống kênh, ảnh hưởng 37 hộ, huyện và xã đã khắc phục tạm bằng cách gia cố cừ và bổ sung đất bằng nguồn kinh phí của huyện và của địa phương xã	
6		Bờ Tây sông Cần Lố (đoạn hộ ông Nguyễn Văn Có)	2017-2020		
7		Bờ Tây sông Cần Lố (đoạn hộ bà Cao Thị Út)	2017-2020		
8		Bờ Tây sông Cần Lố (hộ Ông Huỳnh Quốc Trung)	2017-2020		
9		Bờ Tây sông Cần Lố (Hộ ông Nguyễn Văn Nây)	2017-2020		
10		Bờ Tây sông Cần Lố (hộ bà Võ Kim Thanh)	2017-2020		
11		Bờ Tây sông Cần Lố (đoạn hộ bà Trần Thị Xuân)	2017-2020		
12		Bờ Tây sông Cần Lố (đoạn hộ bà Võ Thị Đào)	2017-2020		

13		Bờ Tây sông Cản Lố (hộ bà Nguyễn Thị Dũng, bà 6 Ni)	2017-2020	Chiều dài 93 m, 279 m ² đất rơi xuống kênh, ảnh hưởng 10 hộ, huyện đã khắc phục tạm bằng cách gia cố cừ và bổ sung đất 01 đoạn 50 m.
14		Bờ Tây sông Cản Lố (đoạn hộ ông Nguyễn Thanh Hải (Tâm, Dạng)	2017-2020	
15		Bờ Đông sông Cản Lố (đoạn hộ ông Trương Văn Nhịn)	2017-2020	Chiều dài 77 m, 220 m ² đất rơi xuống kênh, đã khắc phục tạm bằng cách gia cố cừ và bổ sung đất bằng nguồn kinh phí của địa phương
16		Bờ Đông sông Cản Lố (đoạn hộ bà Nguyễn Thị Bốn)	2017-2020	
17		Rạch Xèo Da (đoạn nhà ông 6 Châu)	2017-2020	
18		Rạch Xèo Da (đoạn nhà ông Minh)	2017-2020	
19		Khu vực chợ Cái Vừng (chợ Nhị Mỹ) (tổng chiều dài 210m, số hộ đang sinh sống 27, nhân khẩu 115; đoạn đang bị sạt lở là 50m)	2017-2020	Chiều dài 210 m, 1.260 m ² đất rơi xuống kênh, ảnh hưởng 27 hộ, huyện đã khắc phục tạm bằng cách gia cố cừ và bổ sung đất 01 đoạn 50m.
20	Xã Phương Trà	Bờ Tây sông Cản Lố (đoạn hộ ông Nguyễn Văn Khoe)	2017-2020	Chiều dài 77 m, 308 m ² đất rơi xuống kênh, ảnh hưởng 7 hộ, huyện đang khắc phục tạm bằng cách gia cố cừ và bổ sung đất.
21		Bờ Tây sông Cản Lố (đoạn hộ ông Nguyễn Công Hậu)	2017-2020	
22		Bờ Tây sông Cản Lố (đoạn hộ ông Nguyễn Văn Hồng)	2017-2020	Chiều dài 62 m, 192 m ² đất rơi xuống kênh, đang khắc phục tạm bằng cách gia cố cừ và bổ sung đất bằng nguồn kinh phí của địa phương
23		Bờ Đông sông Cản Lố (đoạn hộ Ông Trần Văn Uống)	2017-2020	
24		Bờ Đông sông Cản Lố (đoạn hộ Bà Dương Ngọc Tư)	2017-2020	
25		Bờ Đông sông Cản Lố (đoạn hộ Ông Nguyễn Văn Vũ)	2017-2020	
26	Xã An Bình	Tuyến bờ Tây kênh Cản Lố	2020	Chiều dài 21 m, 74 m ² đất rơi xuống kênh, đang khắc phục tạm bằng cách gia cố cừ và bổ sung đất bằng nguồn kinh phí của địa phương
27	Xã Bình Hàng Trung	Sạt lở bờ Tây kênh Cái Bèo	2017-2020	Sạt ở 09 đoạn, chiều dài 370 m, 925 m ² đất rơi xuống kênh, hiện đã gia cố 04 đoạn, còn 05 đoạn chưa có kinh phí khắc phục
28		Sạt lở bờ Đông kênh Cái Bèo	2017-2020	Sạt ở 02 đoạn, chiều dài 261 m, 522 m ² đất rơi xuống kênh, hiện Huyện trình hồ sơ phê duyệt khắc phục bằng cách xây bờ kè

III.	Huyện Lai Vung	không có			
IV.	Huyện Lấp Vò	không có			
V.	Huyện Thanh Bình	không có			
VI.	Thành Phố Sa Đéc				
1	Phường 2	Sông Sa Đéc	2020	Sạt lở bờ sông vô 10m sẽ ảnh hưởng 120 hộ dân và 11 cơ sở sản xuất kinh doanh	
2	Phường 4	Sông Sa Đéc	2020	Sạt lở bờ sông vô 10m sẽ ảnh hưởng 188 hộ dân	
3	Phường An Hòa	Cầu Bà Nhiều	2020	Sụp lún sạt lở đường dal và cầu	
4	Xã Tân Phú Đông	Tuyến kênh Đội Thợ	2020	Bị sạt lở đất dài khoảng 700m (đoạn từ cầu rạch Rấn-cống Bà Ban)	
VII.	Huyện Châu Thành				

Ghi chú: Về thông tin các vụ sạt lở đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016 -2020 (có báo cáo sạt lở bờ sông hàng năm từ 2016 – 2020 gửi kèm theo).